

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HỆN DI LINH
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST
Ngày 01 – 02 - 2021
V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN DI LINH – TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Sỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Ngọc Hà;
2. Bà Lê Thị Chung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh L.

- Đại diện VKSND Huyện D, tỉnh L tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Cường
- Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh L. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 251/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2020, về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13/01/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lâm Thị L; sinh năm 1988; địa chỉ: Xóm C, Thôn N, xã M, Huyện B, tỉnh L. Có mặt.

Bị đơn: Anh Vũ Duy H; sinh năm 1983; địa chỉ: Xóm H, Thôn T, xã H, huyện D, tỉnh L. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng của nguyên đơn chị Lâm Thị L có nội dung: Chị L và anh H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 22 tháng

12 năm 2010 tại UBND xã H, huyện D, tỉnh L. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Thôn T, xã H, Huyện D, tỉnh L, có 02 con chung là Vũ Gia B, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2011 và Vũ Thị Kim Hên, sinh ngày 13 tháng 11 năm 2013. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H thường uống rượu, chơi bời và nhiều lần đánh chị L. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị L bỏ về sống cùng cha, mẹ đẻ tại Thôn 5, xã Lộc Nam, Hện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng từ tháng 5 năm 2019, từ đó đến nay cuộc sống của ai người ấy tự lo và không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị L xác định không thể chung sống cùng anh H nữa tự nguyện làm đơn xin ly hôn với anh H. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con là Vũ Thị Kim H, giao cho anh H nuôi con là Vũ Gia B, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L xác định vợ chồng không có nợ chung, tài sản chung sẽ tự giải quyết nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn anh Vũ Duy H đều vắng mặt nên không có lời khai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị L được ly hôn với anh H, giao cho chị L nuôi dưỡng cháu Vũ Thị Kim Hên, giao cho anh H nuôi con Vũ Gia B, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu và xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập được thẩm tra tại phiên Tòa, ý kiến của các đương sự, của đại diện Viện kiểm sát và kết quả tranh luận tại phiên Tòa hôm nay. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Vũ Duy H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Lâm Thị L và anh Vũ Duy H tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân hợp pháp, được UBND xã Hòa Nam cấp chứng nhận kết hôn số 65 ngày 22 tháng 12 năm 2010. Do bất đồng trong lối sống nên giữa hai người phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Vì vậy, chị L và anh H đã ly thân từ năm 2019, cuộc sống của ai người ấy tự lo và không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên tự nguyện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Về phía anh H đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Việc anh H biết chị L yêu cầu Tòa án

giải quyết ly hôn nhưng vẫn không có mặt theo triệu tập của Tòa án, không đến phiên hòa giải và phiên tòa cho thấy anh H cũng không có nguyện vọng quay về đoàn tụ chung sống cùng chị L, hôn nhân giữa chị L và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị L và anh H ly hôn là phù hợp.

[3] Về con chung, tài sản chung: Chị L và anh H có 02 con chung là Vũ Gia B, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2011 và Vũ Thị Kim H, sinh ngày 13 tháng 11 năm 2013. Nay chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi con là Vũ Thị Kim H, giao cho anh H nuôi con là Vũ Gia B, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu nuôi con của chị L phù hợp với nguyện vọng của các con, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của các đương sự, phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận. Về tài sản đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 144, 147, 227, 235, 238, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chị Lâm Thị L được ly hôn với anh Vũ Duy H.
2. Giao cho chị Lâm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Vũ Thị Kim H, sinh ngày 13 tháng 11 năm 2013; giao cho anh Vũ Duy H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Vũ Gia B, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2011. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền thăm nom con, quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con của các đương sự được thực hiện theo qui định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Lâm Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0001630

ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Hện Di Linh (đã nộp đủ).

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh L;
- VKSND Hện Di Linh;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Sỹ